

Số: 1592/2024/QĐST-DS

Bình Thạnh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lang
2. Ông Trần Văn Phú

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền,
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 370, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 337/2023/TLST-DS ngày 28/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

XÉT THẤY

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả 540,000,000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng theo giao dịch chuyển khoản các ngày 01/3/2022 là 300,000,000 (ba trăm triệu) đồng, ngày 04/5/2022 là 90,000,000 (chín mươi triệu) đồng, ngày 19/5/2022 là 60,000,000 (sáu mươi triệu) đồng, ngày 06/6/2022 là 90,000,000 (chín mươi triệu) đồng. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn và bà Y phải trả số tiền gốc còn lại của Hợp đồng mượn tiền số

01/2022/HĐMT/2022 ngày 01/3/2022 là 1,460,000,000 (một tỉ bốn trăm sáu mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 31/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2] Trong tổng số nợ 1,460,000,000 (một tỉ bốn trăm sáu mươi triệu) đồng, bị đơn, bà Ythống nhất liên đới trả số tiền 892,000,000 (tám trăm chín mươi hai triệu) đồng, đúng theo quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015. Bị đơn, bà Ykhông có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trong vụ án này mà sẽ khởi kiện vụ án khác liên quan đến số tiền đã chuyển, đã cho nguyên đơn vay mượn trong nhiều giao dịch khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cá nhân ông P, bị đơn, bà Ythống nhất liên đới chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 568,000,000 (năm trăm sáu mươi tám triệu) đồng còn lại, đúng theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét việc chuyển giao một phần nghĩa vụ của bị đơn, bà Ycho cá nhân ông P được nguyên đơn đồng ý theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được công nhận.

[3] Các đương sự thống nhất thời hạn trả nợ là 02 năm kể từ ngày 13/8/2024; trong thời gian này, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với nghĩa vụ cho đến ngày trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất là 6%/năm; lãi suất giai đoạn thi hành án được tính theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét các đương sự đã thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[5] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới chịu án phí trên từng khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 376/7 đường Chu Văn An, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà T, sinh năm 1993

Địa chỉ: số 23 đường Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số 000419 quyền số 02/2023/ TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/02/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thành Hưng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông N, sinh năm 1985

Địa chỉ: số 441/70A đường Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Y (*có mặt*)

(Theo giấy ủy quyền số 021337, quyền số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2023 lập tại Văn phòng Công chứng Châu Á, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Y, sinh năm 1990 (*có mặt*)

Địa chỉ: số 441/70A đường Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông P, sinh năm 1983 (*có mặt*)

Địa chỉ: 0709A chung cư Rivera Park SG, số 7/28 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Liên lạc: số 31/2C ấp 3, đường Phan Văn Hón, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Số tiền mà ông N, bà Y chưa hoàn trả cho bà L theo Hợp đồng mượn tiền số 01/2022/HĐMT/2022 ngày 01/3/2022 là 1,460,000,000 (một tỉ bốn trăm sáu mươi triệu) đồng.

2.2 Bà Y, ông N liên đới trả cho bà L số tiền 892,000,000 (tám trăm chín mươi hai triệu) đồng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 13/8/2024. Lãi được tính kể từ ngày 13/8/2024 theo mức lãi suất 6%/năm cho đến hết ngày 13/8/2026. Trường hợp bà Y, ông N trả nợ trước hạn thì lãi được tính cho đến ngày thực trả.

2.3 Ông P, bà Y, ông N liên đới trả cho bà L số tiền 568,000,000 (năm trăm sáu mươi tám triệu) đồng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 13/8/2024. Lãi được tính kể từ ngày 13/8/2024 theo mức lãi suất 6%/năm cho đến hết ngày 13/8/2026. Trường hợp ông P, bà Y, ông N trả nợ trước hạn thì lãi được tính cho đến ngày thực trả.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu bà Y, ông N, ông P trả tiền lãi chậm trả từ ngày 30/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

5. Về án phí:

5.1 Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 56,000,000 (Năm mươi sáu

triệu) đồng do bà Lan đã nộp theo biên lai thu số 0019450 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2 Bà Y, ông N phải liên đới chịu án phí là 38,760,000 (ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

5.3 Ông P, bà Y, ông N phải liên đới chịu án phí là 26,720,000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- CCTHADS Q. Bình Thạnh;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh